

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 165/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 23 tháng 01 năm 2026

V/v cung cấp báo giá dịch vụ “Sửa chữa dây
tiếp địa của ống khói”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/Nhà máy điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm dịch vụ “Sửa chữa dây tiếp địa của ống khói”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

– Danh mục hàng hóa và dịch vụ: như Phụ lục đính kèm.

2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, TP Cần Thơ.

4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 06 /02/2026.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc gửi bản scan có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty qua email, fax.

7. Thông tin liên hệ:

– Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

– Địa chỉ: ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, TP Cần Thơ.

– Email: giangtth@pvpgb.vn; longpx@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; anhbtv@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn;

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu: VT, TM (BTVA).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ
(Đính kèm Công văn số 105/NMĐSH1-TM ngày 13/01/2026)

1. Thông tin dịch vụ

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật/Phạm vi công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ghi chú
I. HÀNG HÓA						
1	Bulong Inox 304,M6*25mm	-Type: SS304 - Size: M6*25mm - Bolt length: 25mm - 01 set includes: 01 bolt, 01 nut, 02 washer	Bộ	4.200	ASIA	Kèm đai ốc + 02 lông đền/bộ
2	Omega clamp, inox 316, 40*60*3 mm	- Material: Inox 316 - Dimension: 40*60*3 mm - Hole D8, centre size of 02 bolt holes: 40 mm, Omega clamp use for cable D 14,5 mm	Cái	100	ASIA	Chi tiết theo bản vẽ đính kèm (SH1-CRI-P0HNE-E-C01-DES-0552),STT 16
3	Expansion anchor, Inox 316, M8*60 mm	- Material: Inox 316 - Size: M8 * 60 mm - Length: 60 mm	Bộ	200	ASIA	
4	Ubolt Inox M8, DN40	- Material: SS316 - Thread diameter: M8 - Including Ubolt, washer, nut - Standard: DIN 3570	Bộ	40	ASIA	Kèm 2 đai ốc + 2 lông đền/bộ

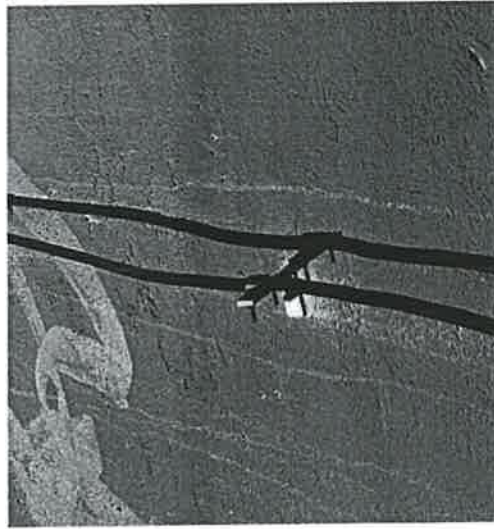
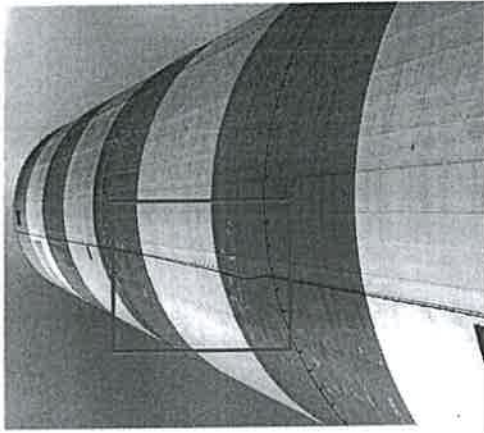
II. DỊCH VỤ SỬA CHỮA

1	Kiểm tra, thay thế toàn bộ Bulong kẹp dây tiếp địa Ống khói lò	– Thay thế toàn bộ Bulong cũ bằng Bulong inox. – Kiểm tra, gia cố các Bass đỡ dây tiếp địa.	Trọn gói	01	
---	--	--	----------	----	--

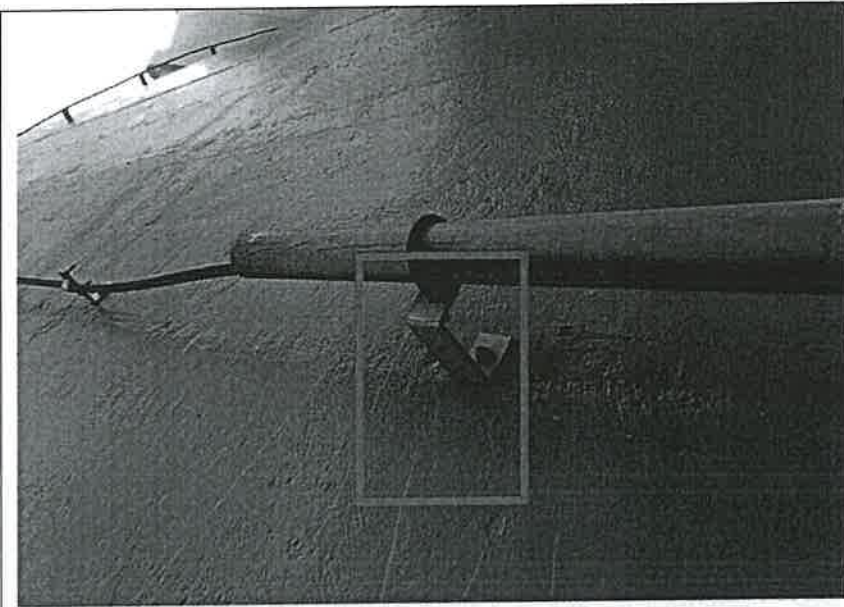
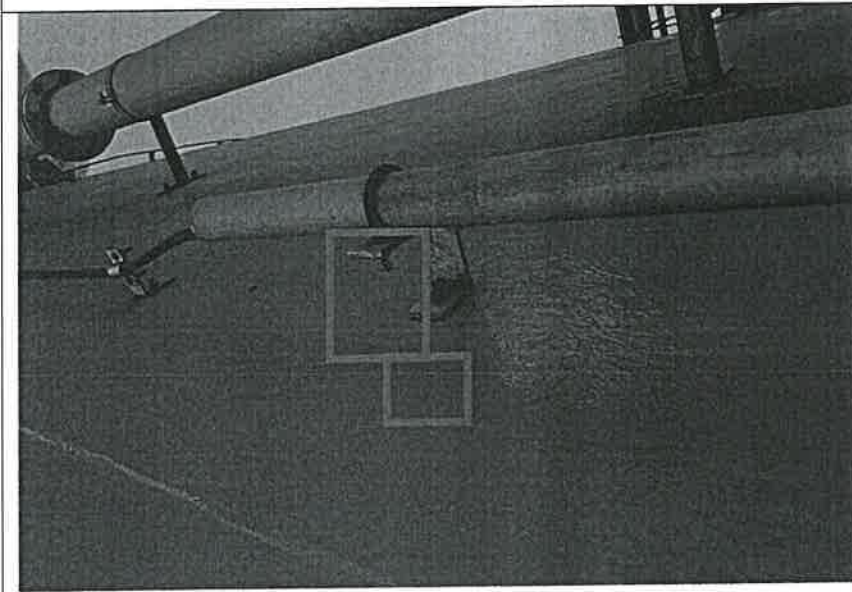
Ghi chú:

- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng;
- Hàng hóa bảo hành 365 ngày;
- Cung cấp tài liệu kỹ thuật hàng hóa của Nhà sản xuất.
- Thông số kỹ thuật của Ống khói lò chỉ tiết như bản vẽ đính kèm (SHI-CRI-P0HNE-GE-C01-DAL-0001)
- Nhân sự thực hiện dịch vụ phải có chứng chỉ/chứng nhận an toàn làm việc trên cao-leo cao theo quy định hiện hành và còn hiệu lực trong thời gian thực hiện dịch vụ.
- Nhà thầu cử cán bộ kỹ thuật có chuyên môn xuống trực tiếp nhà máy để khảo sát, đánh giá để đưa ra phương án kỹ thuật và báo giá chính xác nhất./.

HÌNH ẢNH ĐÍNH KÈM



Vị trí các điểm dây tiếp địa bị bung khỏi vị trí cố định và các điểm cố định (vị trí có thể kiểm tra quan sát) bị rỉ sét bulong đai ốc



Các Kẹp U và Tắc kê néo tường bị rỉ sét ở một số vị trí

QTY	DESCRIPTION	MATERIAL	NOTE
1	1000	SPRAYS	
2	1000	SPRAYS	
3	1000	SPRAYS	
4	1000	SPRAYS	
5	1000	SPRAYS	
6	1000	SPRAYS	
7	1000	SPRAYS	
8	1000	SPRAYS	
9	1000	SPRAYS	
10	1000	SPRAYS	
11	1000	SPRAYS	
12	1000	SPRAYS	
13	1000	SPRAYS	
14	1000	SPRAYS	
15	1000	SPRAYS	
16	1000	SPRAYS	
17	1000	SPRAYS	
18	1000	SPRAYS	
19	1000	SPRAYS	
20	1000	SPRAYS	
21	1000	SPRAYS	
22	1000	SPRAYS	
23	1000	SPRAYS	
24	1000	SPRAYS	
25	1000	SPRAYS	
26	1000	SPRAYS	
27	1000	SPRAYS	
28	1000	SPRAYS	
29	1000	SPRAYS	
30	1000	SPRAYS	
31	1000	SPRAYS	
32	1000	SPRAYS	
33	1000	SPRAYS	
34	1000	SPRAYS	
35	1000	SPRAYS	
36	1000	SPRAYS	
37	1000	SPRAYS	
38	1000	SPRAYS	
39	1000	SPRAYS	
40	1000	SPRAYS	
41	1000	SPRAYS	
42	1000	SPRAYS	
43	1000	SPRAYS	
44	1000	SPRAYS	
45	1000	SPRAYS	
46	1000	SPRAYS	
47	1000	SPRAYS	
48	1000	SPRAYS	
49	1000	SPRAYS	
50	1000	SPRAYS	
51	1000	SPRAYS	
52	1000	SPRAYS	
53	1000	SPRAYS	
54	1000	SPRAYS	
55	1000	SPRAYS	
56	1000	SPRAYS	
57	1000	SPRAYS	
58	1000	SPRAYS	
59	1000	SPRAYS	
60	1000	SPRAYS	
61	1000	SPRAYS	
62	1000	SPRAYS	
63	1000	SPRAYS	
64	1000	SPRAYS	
65	1000	SPRAYS	
66	1000	SPRAYS	
67	1000	SPRAYS	
68	1000	SPRAYS	
69	1000	SPRAYS	
70	1000	SPRAYS	
71	1000	SPRAYS	
72	1000	SPRAYS	
73	1000	SPRAYS	
74	1000	SPRAYS	
75	1000	SPRAYS	
76	1000	SPRAYS	
77	1000	SPRAYS	
78	1000	SPRAYS	
79	1000	SPRAYS	
80	1000	SPRAYS	
81	1000	SPRAYS	
82	1000	SPRAYS	
83	1000	SPRAYS	
84	1000	SPRAYS	
85	1000	SPRAYS	
86	1000	SPRAYS	
87	1000	SPRAYS	
88	1000	SPRAYS	
89	1000	SPRAYS	
90	1000	SPRAYS	
91	1000	SPRAYS	
92	1000	SPRAYS	
93	1000	SPRAYS	
94	1000	SPRAYS	
95	1000	SPRAYS	
96	1000	SPRAYS	
97	1000	SPRAYS	
98	1000	SPRAYS	
99	1000	SPRAYS	
100	1000	SPRAYS	

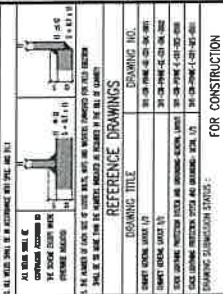
NOTES

ALL INFORMATION ARE IN MILLIONS UNLESS NOTED OTHERWISE. ALL CLOSURES AND CHARGES ARE IN MILLIONS.

WALCO RENTED EQUIPMENT.

AT FINANCIAL CLOSING DATE, THE COMPANY HAS: \$1,120.00 M

FINANCIAL REPORTING PERIOD: 1997 - 12/31/1997 M

[illegible]